

Bản án số: 249/2025/DS-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế
theo pháp luật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;
2. Ông Nguyễn Hùng Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “*Chia di sản thừa kế theo pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn Thành M, sinh năm: 1958;
Địa chỉ: F V, phường M, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông Võ Văn Thành L, sinh năm: 1964;
Địa chỉ: Khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền:

2.1/ Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2.2/ Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu phố G, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Ông Võ Hiếu N, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Lô D, khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3.2/ Chị Võ Thị Hiếu T1, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Lô D, khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

3.3/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Lô D, khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

3.4/ Ông Võ Thành C, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: số B ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3.5/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1974. (Có mặt)

3.6/ Chị Võ Hồng P1, sinh năm: 1993. (Có mặt)

3.7/ Chị Võ Hồng Y, sinh năm: 1994. (Có mặt)

3.8/ Võ Hồng P2, sinh năm: 1995. (Có mặt)

3.9/ Võ Hồng P3, sinh năm: 2004. (Có mặt)

Cùng địa chỉ cũ: 49/1/5 Lương Thế V, khu phố D, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

3.10/ Chị Võ Thị Tuyết N1, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 5 P, phường K, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3.11/ Anh Trần Quốc C1, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn ông Võ Văn Thành M trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Võ Văn M1 (sinh năm 1931, chết năm 2008) và bà Võ Thị T2 (sinh năm 1934, chết năm 2000). Cha mẹ ông có 07 người con chung gồm: Võ Thành Đ (sinh năm 1956, chết năm 1998, có con là Võ Hiếu N, Võ Thị Hiếu T1), Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Văn Thành L, Võ Văn Thành H1 (sinh năm: 1969, chết năm 2009, không có vợ con), Võ Văn Thành P4 (sinh năm 1970, chết năm 2009, có vợ là Nguyễn Thị L1, có 04 người con: Võ Hồng P1, Võ Hồng Y, Võ Hồng P2, Võ Hồng P3) và Võ Thị Tuyết N1. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con nuôi, con đẻ nào khác, ông bà nội ngoại của ông đều chết trước cha mẹ ông.

Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ 1V, có diện tích: 1576 m², loại đất TC tọa lạc tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 342 GCN-DD do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/4/1989 cho ông Võ Văn M1. Hiện nay thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1, diện tích 1260m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Võ Văn M1.

Ông M1, bà T2 chết không để lại di chúc. Hiện thửa đất nêu trên đang do ông Võ Văn Thành L quản lý, sử dụng và những người thừa kế không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản mà ông M1, bà T2 chết để lại là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất 85, tờ bản đồ số 1, diện tích 1260m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Qua đo đạc thửa 85 có diện tích thực tế là 857.4m², loại đất ở có diện tích là 100m², cây lâu năm diện

tích là 757.4m² thành 06 kỷ phần bằng nhau. Ông yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm có diện tích là 126.23m²) thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 01; địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Ông đề nghị được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu của ông L ông không đồng ý vì không có tiền hoàn lại cho ông L giá trị 01 kỷ phần, còn về giá trị cây trồng và nhà là 64.130.000 đồng thì ông và các đồng thừa kế sẽ trả lại cho ông L.

** Tại bản tự khai; đơn phản tố, quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Võ Văn Thành L là anh Nguyễn Trọng T trình bày:*

Thông nhất với nguyên đơn về xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích 857,4m² thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1.

Về người thừa kế: Thông nhất về người thừa kế của ông M1: ông M1 có 07 người con gồm: là ông M, ông C, bà N1, ông Đ, ông P4, ông H1, ông L; trong đó ông P4 đã chết có vợ là bà L1 và 04 người con là P1, Y, P2, P3; ông H1 chết không có vợ con; ông Đ chết có con là anh N, chị T1. Do ông H1 chết không có vợ con nên thống nhất chia 06 kỷ phần.

Về ý kiến của bị đơn: Thông nhất chia đều quyền sử dụng đất thành 06 phần bằng nhau. Ông L yêu cầu được nhận 01 kỷ phần di sản của ông M1 bằng giá trị là 307.932.200 đồng. Yêu cầu những người thừa kế của ông M1 (những người được nhận hiện vật là đất) có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất tổng cộng là 64.130.000 đồng. Rút yêu cầu những người thừa kế còn lại thanh toán chi phí bảo quản di sản cho ông L.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Võ Thành C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:*

Ông thống nhất yêu cầu của ông M, ông yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm 126.23m²) thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 01; qua đo đạc thực tế có diện tích là 857.4m², địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Ông đề nghị được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và cùng đứng tên đồng sở hữu với ông M.

Đối với yêu cầu của ông L, ông thống nhất ý kiến của ông M.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bà Võ Thị Tuyết N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:*

Bà thống nhất yêu cầu của ông M, bà yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm 126.23m²) thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 01; qua đo đạc thực tế có diện tích là 857.4m²,

địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Bà đề nghị được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và cùng đứng tên đồng sở hữu với ông M.

Đối với yêu cầu của ông L, bà có ý kiến chia đủ cho ông L quyền sử dụng đất đủ diện tích tách thửa, nếu diện tích chênh lệch so với phần được hưởng nhiều quá thì ông L phải thanh toán giá trị cho bên bà và các đồng thừa kế còn lại, nếu phần diện tích tăng thêm giá trị tương đương với giá trị cây trồng và căn nhà trên đất thì thôi; việc hoàn lại giá trị 01 kỷ phần hơn ba trăm triệu bà và các đồng thừa kế không có tiền để hoàn cho ông L.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà anh Võ Hiếu N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (cùng chung yêu cầu với chị T1) trình bày:*

Anh là con của ông Võ Thành Đ, ông Đ chết trước ông M1, bà T2; anh thống nhất yêu cầu của ông M, anh yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm 126.23m²) thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 01; qua đo đạc thực tế có diện tích là 857.4m², địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Anh đề nghị được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và cùng đứng tên đồng sở hữu với ông M.

Tại phiên toà, anh N có ý kiến chia quyền sử dụng đất thành 06 phần nhưng cùng nhau đứng tên chung 06 người, không tách ra.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng chị Võ Thị Hiếu T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (cùng chung yêu cầu với anh N) trình bày:*

Chị là con của ông Võ Thành Đ, là em của anh Võ Hiếu N, chị thống nhất ý kiến với anh N, xin vắng mặt tại phiên toà do bận công việc.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bà Nguyễn Thị L1, Võ Hồng P1, Võ Hồng Y, Võ Hồng P2, Võ Hồng P3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:*

Bà và anh, chị là vợ và con của ông Võ Văn Thành P4, ông P4 chết sau ông M1, bà T2. Nay bà và anh chị thống nhất yêu cầu của ông M, yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm 126.23m²) thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 01; qua đo đạc thực tế có diện tích là 857.4m², địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Đề nghị được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và cùng đứng tên đồng sở hữu với ông M.

Đối với yêu cầu của ông L, bà và anh chị thống nhất ý kiến của ông M.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bà Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà là vợ của ông Võ Văn Thành Đ, ông Đ chết trước ông M1 và bà T2, bà và ông Đ có 02 người con là Võ Hiếu N và Võ Thị Hiếu T1. Nay trước yêu cầu của các bên đương sự bà không có ý kiến gì, để con bà là N và T1 tự quyết định.

** Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 20/3/2025 anh C1 có ý kiến:*

Anh không có yêu cầu gì đối với trại dê trên đất tranh chấp. Anh sẽ tự tháo dỡ, không có yêu cầu gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán chi phí bảo quản di sản.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chia mỗi người 01 kỷ phần thừa kế có diện tích là 142.9m² thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1, diện tích thực tế là 857.4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1.

Ghi nhận các đồng thừa kế đứng tên đồng sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với kỷ phần thừa kế được chia của thửa đất số 85.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Thành L, chia cho ông L giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 307.924.533 đồng. Buộc các đồng thừa kế còn lại hoàn cho ông L giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 307.924.533 đồng và giá trị nhà, cây trồng trên đất là 64.130.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Giao phần diện tích đất của ông L được chia là 142.9m² thuộc thửa số 85, nhà, cây trồng cho các đồng thừa kế quản lý, sử dụng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án xác định đây là vụ án “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt có đơn xin vắng đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là chị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị

T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông M1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 857.4m² thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1 thành 06 phần, yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m² (đất ở diện tích là 16.67m², cây lâu năm 126.23m²), địa chỉ thửa đất tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C, N1, N, T1, L1, P1, Y, P2, P3 có yêu cầu độc lập hưởng 04 kỷ phần (Cúc 01 phần, N1 01 phần; N, T1 01 phần; L1, P1, Y, P2, Phần 01 phần), yêu cầu nhận bằng hiện vật; Bị đơn là ông L có yêu cầu phản tố, yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng giá trị và yêu cầu trả giá trị cây trồng, căn nhà trên phần đất di sản, rút yêu cầu trả công sức gìn giữ di sản.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện yêu cầu độc lập các đương sự ông M, ông C, bà N1, anh N, chị T1, bà L1, P1, Y, P2, P3 yêu cầu nhận thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích là 262.6m²/01 kỷ phần, thuộc thửa 1019, tờ bản đồ 1V (thửa cũ); quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 142.9 m²/01 kỷ phần, thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1 (thửa mới) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các đương sự không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của các đương sự.

Tại đơn khởi kiện phản tố bị đơn yêu cầu nhận một kỷ phần tương đương giá trị là 307.932.200 đồng, yêu cầu các đồng thừa kế còn lại trả giá trị cây trồng và căn nhà trên đất là 64.130.000 đồng. Yêu cầu trả chi phí bảo quản di sản. Tại phiên tòa bị đơn thay đổi yêu cầu nhận 01 kỷ phần tương đương 307.924.533 đồng, giữ nguyên yêu cầu các đồng thừa kế còn lại trả giá trị cây trồng và căn nhà trên đất là 64.130.000 đồng. Rút yêu cầu trả chi phí bảo quản di sản. Xét thấy việc thay đổi giá trị kỷ phần thừa kế không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và việc rút chi phí bảo quản di sản là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L.

[3.1] Về xác định di sản thừa kế và hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất về di sản thừa kế và hàng thừa kế như sau:

Ông Võ Văn M1 (sinh năm 1931, chết năm 2008) và bà Võ Thị T2 (sinh năm 1934, chết năm 2000) có 07 người con chung gồm: Võ Thành Đ (sinh năm 1956, đã chết năm 1998 (chết trước ông M1, bà T2), có con là Võ Hiếu N, Võ Thị Hiếu T1), Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Văn Thành L, Võ Văn Thành H1 (sinh năm:

1969, chết năm 2009, không có vợ con), Võ Văn Thành P4 (sinh năm 1970, chết năm 2009 (chết sau ông M1, bà T2), có vợ là Nguyễn Thị L1, có con: Võ Hồng P1, Võ Hồng Y, Võ Hồng P2, Võ Hồng P3) và Võ Thị Tuyết N1. Ngoài ra, ông M1, bà T2 không có con nuôi, con đẻ nào khác. Cha, mẹ của ông M1 và bà T2 đều đã chết trước ông M1, bà T2. Xác định chia 06 kỷ phần thừa kế (ông M, ông C, ông L, bà N1 mỗi người 01 kỷ phần; ông Đ thừa kế thế vị là N, T1 01 kỷ phần; ông P4 thừa kế là L1, P1, Y, P2, P 01 kỷ phần).

Trong quá trình chung sống, ông M1, bà T2 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1019, tờ bản đồ 1V, có diện tích: 1576 m², loại đất TC tọa lạc tại khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 342 GCN-DD do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/4/1989 cho ông Võ Văn M1. Hiện nay thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1, diện tích 1260m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1, qua đo đạc thực tế có diện tích 857.4m² (trong đó có 100m² đất ở và 757.4m² đất cây lâu năm); Kết quả định giá đất ở có đơn giá là 2.358.000 đồng/m² x 100m² = 235.800.000 đồng/6 = 39.300.000 đồng. Đất cây lâu năm có đơn giá là 2.128.000 đồng/m² x 757.4m² = 1.611.747.200 đồng/6 = 268.624.533 đồng.

Tổng cộng giá trị đất là 1.847.547.200 đồng.

Có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông, số đo 4,64m + 0.90m + 2.97m + 3.68m + 3.65m + 0.71m;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn P5, Lê Thị S, số đo 4.56m + 0.94m + 3.70m + 2.95m + 3.71m + 3.68m + 3.91m + 4.54m;

Hướng Nam giáp kênh S Chợ M, số đo 33.53m + 2.22m + 2.49m + 1.71m + 4.58m;

Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn P5, Lê Thị S, số đo 31.25m;

Xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích 857.4m² (trong đó có 100m² đất ở và 757.4m² đất cây lâu năm), tổng giá trị di sản là **1.847.547.200 đồng (mỗi kỷ phần tương đương giá trị là 307.924.533 đồng).**

Qua xem xét trên phần đất yêu cầu chia thừa kế có:

Nhà: 01 căn nhà kết cấu nhà trệt, cột bê tông, cột gỗ, mái fibro xi măng, nền xi măng, vách tole; Diện tích 25.16m² có giá là 42.751.872 đồng. **Chuồng trại (của anh C1):** kết cấu cột + kèo gỗ, mái tole + mái fibro xi măng, nền đất. Diện tích 32.34m²; giá là 6.325.704 đồng. **Hồ nước:** kết cấu thành bê tông cốt thép, đan đáy, nắp bê tông cốt thép. Giá là 4.530.975 đồng. **Mộ:** số lượng 04, mộ xi măng, ốp gạch, dưới 04 năm 02 cái, chi phí di dời là 48.808.000 đồng; trên 04 năm 02 cái, chi phí di dời 42.134.000 đồng. **Cây trồng:** Cây dừa: Loại cây dưới 01 năm tuổi: 02 cây. Thành tiền 100.000 đồng. Loại cây trên 01 năm tuổi chưa cho thu hoạch: 05 cây; T3 tiền 5.350.000 đồng. Loại cây cho thu hoạch chưa ổn định: 01 cây; Thành tiền 1.760.000 đồng. Loại cây già lão: 01 cây. Thành tiền 750.000 đồng. Cây mít: Loại cây già lão 02 cây; Thành tiền 1.138.000 đồng; C2 xoài: Loại cây già lão: 06 cây.

Thành tiền 9.990.000 đồng. Cây ổi: Loại cây dưới 01 năm tuổi 02 cây; T3 tiền 168.000 đồng; Loại cây cho thu hoạch chưa ổn định: 02 cây. Thành tiền 546.000 đồng. Cây đu đủ: Loại cây cho thu hoạch chưa ổn định: 01 cây. Thành tiền 117.000 đồng; Bụi chuối: Loại chuối mới trồng: 11 bụi; T3 tiền 946.000 đồng. Loại chuối đã cho thu hoạch: 02 bụi. Thành tiền 514.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản trên đất là 165.929.551 đồng.

Các đương sự chỉ yêu cầu xem xét tài sản là nhà và cây trồng có giá là 64.130.000 đồng; các tài sản còn lại các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Cách phân chia di sản thừa kế:

Ông Võ Văn M1 và bà Nguyễn Thị T4 chết không để lại di chúc, căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự thời hiệu chia thừa kế vẫn còn nên nguyên đơn, người liên quan yêu cầu chia thừa kế là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông M, ông C, bà N1 yêu cầu nhận mỗi người 01 kỷ phần thừa kế diện tích là 142.9m², tương đương giá trị là 307.924.533 đồng;

Anh N, chị T1 yêu cầu nhận 01 kỷ phần thừa kế diện tích là 142.9m²; tương đương giá trị là 307.924.533 đồng.

Bà L1, P1, Y, P5, P3 yêu cầu nhận 01 kỷ phần thừa kế diện tích là 142.9m²; tương đương giá trị là 307.924.533 đồng.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và người liên quan là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Các đương sự trên thống nhất nhận kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất, tự thỏa thuận với nhau về vị trí quyền sử dụng đất được chia trên bản vẽ (không yêu cầu xác định vị trí được chia trên bản vẽ) và tự nguyện đứng tên đồng sở hữu với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Võ Văn Thành L:

Ông L yêu cầu nhận 01 kỷ phần thừa kế của ông M1 chết để lại, yêu cầu nhận bằng giá trị là 307.924.533 đồng. Yêu cầu các đồng thừa kế còn lại trả giá trị cây trồng và căn nhà trên đất là 64.130.000 đồng.

Xét thấy Ông L yêu cầu nhận 01 kỷ phần di sản của ông M1 bằng giá trị là 307.924.533 đồng là có cơ sở vì 01 kỷ phần diện tích 142.9m² trong đó có 16.67m² đất ở và 126.23m² đất cây lâu năm qua tham khảo điều kiện tách thửa thì không đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn và người liên quan có ý kiến chia cho ông L đủ diện tích tách thửa, ông L phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại sau khi trừ giá trị nhà và cây trồng là 64.130.000 đồng; phía ông L không đồng ý cho rằng trường hợp chia bằng quyền sử dụng đất để đủ diện tích tách thửa thì ông L không có khả năng hoàn số tiền chênh lệch lại cho nguyên đơn và người liên quan và cũng ảnh hưởng đến việc chia cắt vị trí các ngôi mộ trên thửa đất. Xét phương pháp chia di sản của các đương sự đưa ra là không phù hợp nên cần chia cho ông L 01 kỷ phần

bằng giá trị, buộc các đồng thừa kế còn lại (05 kỷ phần còn lại) có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền là 307.924.000 đồng.

Đối với kỷ phần là quyền sử dụng đất diện tích 142.9m² của ông L do ông L đã nhận bằng giá trị nên phần diện tích này giao cho các đồng thừa kế còn lại quản lý, sử dụng.

Ông L yêu cầu giá trị cây trồng trên đất và giá trị căn nhà là: 64.130.000 đồng. Các đương sự thống nhất cây trồng trên đất do ông L trồng. Căn nhà phía đại diện của bị đơn trình bày là do ông L xây dựng trên nền nhà cũ và giữ gìn, bảo quản từ khi ông M1 chết đến nay; nguyên đơn người liên quan có yêu cầu độc lập cho rằng căn nhà này có từ trước khi ông M1 chết, ông L chỉ có sử dụng tole cũ làm vách và có sửa chữa, dọn dẹp lại một phần khi có đơn khởi kiện; tại phiên tòa nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập thống nhất hoàn lại cho ông L giá trị cây trồng và căn nhà trên đất tổng cộng là 64.130.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người liên quan có yêu cầu độc lập và bị đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà mình được hưởng trong khối di sản thừa kế và án phí về nghĩa vụ tài sản theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Các đương sự ông Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Văn Thành L được miễn án phí dân sự sơ thẩm do các ông là người cao tuổi (có đơn xin miễn án phí) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228; Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại tòa án;

- Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Thành M.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn Thành L;

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Thành C; Võ Thị Tuyết N1; Võ Hiếu N, Võ Thị Hiếu T1; Nguyễn Thị L1, Võ Hồng P1, Võ Hồng Y, Võ Hồng P2, Võ Hồng P3.

1/ Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về di sản thừa kế, người thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế như sau:

1.1/ Xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 1, diện tích 1260m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do UBND thị xã G cấp cho ông Võ Văn M1, qua đo đạc thực tế có diện tích 857.4m² (trong đó có 100m² đất ở và 757.4m² đất cây lâu năm).

1.2/ Xác định người thừa kế: Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Thị Tuyết N1, Võ Văn Thành L; Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ; Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 – người thừa kế của Võ Văn Thành P4 (06 kỹ phần).

1.3/ Kỹ phần thừa kế: Quyền sử dụng đất diện tích 142.9m² (trong đó 16.67m² đất ở và 126.23m² đất trồng cây lâu năm)/01 kỹ phần, giá trị tương đương là 307.924.533 đồng/01 kỹ phần.

2/ Chia cho ông Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Thị Tuyết N1, mỗi người một kỹ phần là quyền sử dụng đất diện tích 142.9m².

Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ một kỹ phần là quyền sử dụng đất diện tích 142.9m²;

Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 một kỹ phần là quyền sử dụng đất diện tích 142.9m².

Chia cho ông Võ Văn Thành L một kỹ phần bằng giá trị là 307.924.533 đồng. Giao kỹ phần là quyền sử dụng đất diện tích 142.9m² của ông L cho 05 đồng thừa kế còn lại, 05 đồng thừa kế còn lại là Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Thị Tuyết N1; Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ; Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 – người thừa kế của Võ Văn Thành P4 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 01 kỹ phần cho ông L là 307.924.533 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Ghi nhận sự thoả thuận của ông Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Thị Tuyết N1; Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ; Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 – người thừa kế của Võ Văn Thành P4 và ông Võ Văn Thành L về việc trả giá trị cây trồng, nhà là 64.130.000 đồng cho ông L. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Đình chỉ yêu cầu trả chi phí bảo quản di sản của ông Võ Văn Thành L;

5/ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

6/ Ghi nhận sự thoả thuận của ông Võ Văn Thành M, Võ Thành C, Võ Thị Tuyết N1; Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ; Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 – người thừa kế của Võ Văn Thành P4 về việc đứng tên đồng sở hữu toàn bộ diện tích 857.4m², thửa đất số 85, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06516 QSDĐ/LH ngày 14/5/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Văn M1.

Có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông, số đo 4,64m + 0.90m + 2.97m + 3.68m + 3.65m + 0.71m;

Hướng Tây giáp Nguyễn Văn P5, Lê Thị S, số đo 4.56m + 0.94m + 3.70m + 2.95m + 3.71m + 3.68m + 3.91m + 4.54m;

Hướng Nam giáp kênh S Chợ M, số đo 33.53m + 2.22m + 2.49m + 1.71m + 4.58m;

Hướng Bắc giáp Nguyễn Văn P5, Lê Thị S, số đo 31.25m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Địa chỉ thửa đất: khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

7. Về án phí:

Bà Võ Thị Tuyết N1 phải chịu 15.396.226 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 3.624.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001181 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên bà N1 còn nộp tiếp số tiền là 11.772.226 đồng.

Anh Võ Hiếu N, chị Võ Thị Hiếu T1 phải chịu 15.396.226 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 3.624.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001180 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên anh N, chị T1 còn nộp tiếp số tiền là 11.772.226 đồng.

Bà Nguyễn Thị L1, Võ Hồng P1, Võ Hồng Y, Võ Hồng P2, Võ Hồng P3 phải chịu 15.396.226 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 3.624.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001179 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên bà L1, P1, Y, P2, P3 còn nộp tiếp số tiền là 11.772.226 đồng.

Các đương sự Võ Thị Tuyết N1; Võ Hiếu N + Võ Thị Hiếu T1 – thế vị cho Võ Văn Đ; Nguyễn Thị L1 + Võ Hồng P1 + Võ Hồng Y + Võ Hồng P2 + Võ Hồng P3 – người thừa kế của Võ Văn Thành P4 cùng có nghĩa vụ chịu 3.206.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND.KV2;
- THADS.tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, av.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Thảo